

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

NHỮNG THÀNH TỐ GÓP PHẦN XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, LẤY KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH

PGS, TS. TRẦN KIM CHUNG*

Việc xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chính là một nội dung mới của Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, nhằm giúp đất nước bứt phá trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc¹. Trên cơ sở nhận diện năm thành tố góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới, bao gồm: Bối cảnh, lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất và địa bàn - không gian sản xuất; bài viết gợi mở một số định hướng nhằm tăng cường các thành tố này để góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới trong bối cảnh hiện nay.

Theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, lực lượng sản xuất là nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội, khi lực lượng sản xuất phát triển vượt quan hệ sản xuất hiện hành, xã hội buộc phải đổi mới mô hình quản lý và phát triển kinh tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các quốc gia đang phải đối mặt với những thách thức về tăng trưởng bền vững và nâng cao năng suất lao động. Các mô hình tăng trưởng truyền thống dựa chủ yếu vào vốn và lao động giản đơn đã dần bộc lộ hạn chế, đòi hỏi phải xác lập mô hình tăng trưởng mới. Quá trình này cũng làm xuất hiện các thành tố mới và tương tác lẫn nhau. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu năm thành tố góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới, bao gồm: 1) Bối cảnh mới; 2) Lực lượng sản xuất mới;

3) Phương thức sản xuất mới; 4) Quan hệ sản xuất mới và 5) Địa bàn - không gian sản xuất mới.

1. Những vấn đề lý luận về mô hình tăng trưởng mới và các thành tố góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới

Nền tảng cho mô hình tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo

Một là, từ nửa sau thế kỷ XX, tư tưởng phát triển kinh tế chuyển dần từ mô hình tăng trưởng dựa vào vốn và lao động sang tăng trưởng dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo Robert Solow (năm 1956), trong mô hình tăng trưởng tân cổ điển, tiến bộ công nghệ là yếu tố quyết định dài hạn của tăng trưởng năng suất². Sau đó, Paul Romer (năm 1990) và Robert Lucas (năm 1988) đã phát triển lý thuyết tăng trưởng nội sinh, trong đó, đổi mới sáng tạo, vốn con người và tri thức tạo nên nguồn động lực nội tại của nền kinh tế³. Đến đầu thế kỷ XXI, khái niệm “kinh tế tri thức”

Thư ký khoa học, Hội đồng Lý luận Trung ương

(knowledge-based economy) được Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) định nghĩa là nền kinh tế trong đó sản xuất và sử dụng tri thức trở thành yếu tố chủ đạo của tăng trưởng, việc làm và phúc lợi xã hội. Theo OECD, đó là kết quả của sự thừa nhận đầy đủ hơn về vai trò của tri thức và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế. Tri thức, thể hiện trong con người (dưới dạng “vốn nhân lực” hay “vốn con người”) và trong công nghệ, luôn là trung tâm của sự phát triển kinh tế⁴. Cùng với đó, chuyển đổi số được định nghĩa là sự “tác động của các công nghệ số và dữ liệu, cũng như việc ứng dụng chúng vào các hoạt động hiện có và mới, đang diễn ra ngày càng nhanh trên toàn cầu, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực”⁵. Các yếu tố này trở thành trụ cột của mô hình tăng trưởng mới, khác biệt căn bản so với mô hình truyền thống dựa vào tài nguyên, lao động giá rẻ và vốn đầu tư.

Hai là, nội dung và cấu trúc của mô hình tăng trưởng mới. Mô hình tăng trưởng mới của quốc gia trong thời đại chuyển đổi số là sự kết hợp hài hòa giữa ba động lực: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Mỗi yếu tố vừa có tính độc lập tương đối, vừa tương tác tạo ra hiệu ứng lan tỏa hệ thống: *Thứ nhất*, khoa học công nghệ là hạ tầng cơ sở của năng suất xã hội mới. Theo C.Mác, sự thay đổi trong tư liệu sản xuất (máy móc, công nghệ...) là tiền đề cho biến đổi quan hệ sản xuất và toàn bộ cấu trúc kinh tế⁶. Ngày nay, khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo, đóng vai trò nguồn lực sản xuất cơ bản và tạo điều kiện cho “năng suất tăng theo hàm mũ”. *Thứ hai*, đổi mới sáng tạo là động cơ vận hành của tăng trưởng mới. Theo Joseph Schumpeter, đổi mới là sự kết hợp mới của các yếu tố sản xuất, tạo ra những làn sóng phát triển kinh tế⁷. Chính đổi mới sáng tạo tạo nên sự “hủy diệt” mang tính sáng tạo

(creative destruction), thay thế mô hình cũ bằng mô hình mới hiệu quả hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh công nghệ, quốc gia có năng lực đổi mới sáng tạo mạnh sẽ nắm lợi thế chiến lược về tăng trưởng dài hạn. *Thứ ba*, chuyển đổi số quốc gia là phương thức tổ chức mới của toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội. Đây không chỉ là việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất mà còn tái cấu trúc mô hình vận hành quốc gia trên nền tảng dữ liệu và số hóa. Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), quá trình chuyển đổi số được đẩy nhanh đang mở ra những đổi mới trong kinh tế và công nghệ, thúc đẩy tăng trưởng, đồng thời tạo điều kiện cho những hình thức tương tác xã hội mới trên toàn cầu⁸. Như vậy, mô hình tăng trưởng mới có cấu trúc “tam giác năng động”: 1) Khoa học công nghệ tạo nên tăng vật chất; 2) Đổi mới sáng tạo tạo động cơ chuyển động; 3) Chuyển đổi số tạo cơ chế kết nối và lan tỏa toàn hệ thống, tạo lập thêm không gian phát triển mới - không gian số, đồng hành với không gian thực. Ba yếu tố này hợp nhất trong mục tiêu nâng cao Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ba là, cơ sở thực tiễn của việc xác lập mô hình tăng trưởng mới. Thực tiễn phát triển quốc tế chứng minh rằng, các nền kinh tế thành công trong kỷ nguyên số đều dựa vào mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hàn Quốc chuyển từ mô hình “tăng trưởng công nghiệp hóa hướng xuất khẩu” sang “tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, được thể chế hóa trong Chính sách kinh tế mới Hàn Quốc 2020 (Korean New Deal 2020), trong đó chuyển đổi số và chuyển đổi xanh là hai trong ba trụ cột chính⁹. Singapore xây dựng mô hình quốc gia thông minh (Smart Nation), tích hợp chính phủ số, kinh tế số và xã hội số làm trụ cột tăng trưởng¹⁰. Trong khi đó, Trung

Quốc với chiến lược “Internet Plus” (năm 2015) và “Made in China 2025” đã tạo ra tăng trưởng TFP trung bình 6 điểm %/năm giai đoạn 2015-2020¹¹.

Bốn là, các điều kiện để thực hiện mô hình tăng trưởng mới. Cụ thể: 1) Phát triển lực lượng sản xuất dựa vào khoa học công nghệ và tri thức; 2) Xây dựng hệ thống thể chế, chính sách thuận lợi; 3) Đầu tư hạ tầng và công nghệ; 4) Thiết lập cơ chế hợp tác công - tư và hội nhập quốc tế; 5) Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng suất tổng hợp; 6) Chuyển đổi quan hệ sản xuất và mô hình quản trị; 7) Phát triển bền vững và xã hội hóa công nghệ; 8) Khơi dậy tinh thần đổi mới và văn hóa sáng tạo.

Những thành tố góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chính

Thứ nhất, bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động đòi hỏi các quốc gia xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Thế giới đang bước vào thời kỳ chuyển đổi sâu sắc về cấu trúc kinh tế, công nghệ và xã hội. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và xu hướng phát triển bền vững đang tạo nên bối cảnh mới cho sự phát triển của mọi nền kinh tế. Bối cảnh đó thể hiện ở ba đặc điểm chính: 1) Toàn cầu hóa diễn ra trong điều kiện phân mảnh chuỗi cung ứng, xuất hiện các mô hình “địa kinh tế mới”¹²; 2) Kinh tế số và dữ liệu trở thành trụ cột sản xuất mới, được Ngân hàng Thế giới (WB) gọi là “đầu mở mới của nền kinh tế toàn cầu”¹³; 3) Dân số già hóa nhanh, đặc biệt ở Đông Á, tạo ra nhu cầu dịch vụ “kinh tế bạc” (Silver Economy) và phúc lợi xã hội dài hạn¹⁴. Như C.Mác đã chỉ ra: “Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy

thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ”¹⁵. Do đó, bối cảnh mới chính là sự thay đổi trình độ lực lượng sản xuất, từ đó kéo theo yêu cầu đổi mới quan hệ sản xuất, phương thức sản xuất và không gian phát triển.

Thứ hai, lực lượng sản xuất mới hình thành và phát triển. Theo C.Mác, mọi thời đại lịch sử đều được xác định bởi lực lượng sản xuất tương ứng của nó¹⁶. Trong giai đoạn hiện nay, xuất hiện ba lực lượng sản xuất mới: 1) Dữ liệu và AI: Dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất chủ yếu, được OECD xem là “hạ tầng mềm của nền kinh tế toàn cầu”¹⁷; 2) Dịch vụ dành cho người cao tuổi: Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ghi nhận tỷ lệ người trên 65 tuổi dự kiến lên 20% vào năm 2050. Năm 2020, thị trường toàn cầu về sản phẩm và dịch vụ dành cho người cao tuổi ước tính đạt giá trị khoảng 15 nghìn tỷ USD¹⁸; 3) Dịch vụ đêm: Nhiều nghiên cứu cho thấy, nếu được khai thác đúng cách, kinh tế đêm (Night Economy) có thể đóng góp từ 6-10% GDP của một quốc gia¹⁹. Đồng thời, các lực lượng sản xuất mới bao gồm nhiều loại hình khác tạo ra hệ thống lực lượng sản xuất mới²⁰.

Thứ ba, sự hình thành và phát triển của các phương thức phát triển mới. Cùng với lực lượng sản xuất mới, các phương thức sản xuất mới, tức cách thức con người tổ chức sản xuất và tái sản xuất xã hội cũng hình thành: 1) Kinh tế dữ liệu (Data Economy): Dữ liệu được thu thập, phân tích và thương mại hóa. Theo WB (năm 2021): “Sự tăng trưởng chưa từng có của dữ liệu ngày nay và sự hiện diện khắp nơi của chúng trong cuộc sống là những dấu hiệu cho thấy cuộc cách mạng dữ liệu đang làm biến đổi thế giới”²¹; 2) Kinh tế bạc: Phát triển hệ thống dịch vụ bao gồm: Y tế, bảo hiểm, công nghệ chăm sóc, du lịch cho người

cao tuổi. Ủy ban châu Âu (EC) coi kinh tế bạc là một cơ hội lớn để tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo (đặc biệt là công nghệ y tế, du lịch, nhà ở thông minh) và bảo đảm tăng trưởng bền vững²²; 3) Kinh tế đêm: Mở rộng hoạt động kinh tế ra ngoài giờ hành chính, diễn ra trong khoảng thời gian từ 18 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau, góp phần thúc đẩy tiêu dùng, du lịch, và việc làm. “Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan ước tính việc kéo dài thời gian hoạt động tại các cơ sở giải trí sẽ tăng 25% chi tiêu của du khách và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho đất nước này”²³. Ngoài ra còn phải kể đến các loại hình kinh tế khác đồng hành với các lực lượng sản xuất mới²⁴. Điều này phản ánh tinh thần phù hợp giữa lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất trong thời kỳ đổi mới.

Thứ tư, cùng với bối cảnh mới, lực lượng sản xuất mới, phương thức sản xuất mới, quan hệ giữa các chủ thể, các khu vực kinh tế trong nền kinh tế cũng cho thấy sự thay đổi. *Một là*, sự tái cấu trúc vai trò của các khu vực kinh tế. Trong điều kiện hội nhập, ba khu vực kinh tế này không còn đứng tách biệt, mà hình thành tam giác phát triển tương hỗ: Kinh tế nhà nước đóng vai trò kiến tạo; kinh tế tư nhân trong nước đóng vai trò động lực; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò kết nối với khoa học công nghệ và nguồn vốn từ bên ngoài. *Hai là*, hình thành cơ chế tương tác mới giữa các chủ thể mới. Theo quy luật khách quan, quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển (dữ liệu, kinh tế số, dịch vụ mới), quan hệ giữa nhà nước - doanh nghiệp tư nhân - doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) cũng phải chuyển từ mô hình “phân chia vai trò” sang “liên kết và điều tiết tương hỗ”.

Thứ năm, bối cảnh quốc tế thay đổi, lực lượng sản xuất thay đổi, phương thức sản xuất thay đổi, quan hệ giữa các chủ thể thay đổi đòi hỏi địa bàn

không gian sản xuất thay đổi để tương thích với các yếu tố đồng hành đã thay đổi. Không gian sản xuất hiện nay không chỉ giới hạn trong phạm vi vật lý, mà còn mở rộng sang không gian số: 1) Không gian số (Digital Space): Là địa bàn phát triển mới, nơi doanh nghiệp, nhà nước và người dân cùng tham gia vào các hoạt động sản xuất, trao đổi và cung ứng dịch vụ. Đây có thể được xem như “hệ sinh thái sản xuất thứ hai của nhân loại”; 2) Không gian mới về quy mô địa bàn mới (tinh mới, xã mới và kéo theo vùng mới): Sự phân bố lại hoạt động sản xuất nhờ hạ tầng số và logistics đang biến đơn vị hành chính “cấp xã” trở thành “mắt xích” trong chuỗi giá trị toàn cầu; 3) Không gian mới về mở rộng thời gian hoạt động kinh tế: Mở rộng khung giờ sản xuất, giúp gia tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên thời gian cũng như để tương thích với thời gian làm việc thực của một số địa bàn đối tác trên thế giới (Australia, New Zealand, Mỹ...).

2. Thực trạng các thành tố tham gia xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chính tại Việt Nam

Một là, bối cảnh phát triển của Việt Nam đã, đang và sẽ có nhiều chuyển biến sâu sắc. “Từ một nước nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá, bị bao vây, cô lập, đến nay Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương quan trọng”²⁵. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn trong làn sóng dịch chuyển dòng vốn đầu tư cũng như các chuỗi giá trị toàn cầu²⁶. Mặc dù là quốc gia đi sau trong các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, song Việt Nam đã rất chủ động bắt nhịp và đồng hành cùng thế giới trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ

tư. Hiện nay, đất nước đang trong giai đoạn đổi mới, chuyển mình mạnh mẽ để bước vào một kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đồng thời, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu, đặc biệt là các vấn đề an ninh phi truyền thống và tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, đòi hỏi tư duy phát triển bền vững và năng lực thích ứng linh hoạt hơn bao giờ hết.

Hai là, lực lượng sản xuất của Việt Nam đã xuất hiện nhiều yếu tố mới. Cùng với bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều điểm mới, lực lượng sản xuất của Việt Nam đang xuất hiện nhiều yếu tố mới gắn liền với việc đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn²⁷. Như một xu thế tất yếu của thời đại số, dữ liệu, hệ thống dữ liệu và cơ sở dữ liệu quốc gia của Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, trở thành nguồn lực cốt lõi cho đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, tốc độ già hóa dân số tại Việt Nam đang diễn ra nhanh hơn dự báo, kéo theo sự phát triển nhanh của các ngành dịch vụ chăm sóc người cao tuổi²⁸. Là quốc gia chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, Việt Nam đang đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường khả năng thích ứng của nền kinh tế nói riêng và quốc gia nói chung. Song song với đó, trong tiến trình hội nhập và phát triển, việc mở rộng thời gian hoạt động kinh tế sang khung giờ ban đêm trở thành một xu hướng tất yếu, góp phần đa dạng hóa không gian phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và thích ứng linh hoạt với bối cảnh mới²⁹. Cùng với việc phát triển các hoạt động khai thác tầng thấp, các hoạt động kinh tế tầng thấp ra đời³⁰. Mặt khác, cùng với sự đa dạng hóa không ngừng của đời sống kinh tế - xã hội, các lực lượng sản xuất mới đang từng bước hình thành và phát triển, tạo nên bức tranh năng động hơn cho nền kinh tế quốc gia.

Ba là, các phương thức - loại hình kinh tế mới đang hình thành, đồng hành cùng sự phát triển của lực lượng sản xuất mới. Bên cạnh các lĩnh vực kinh tế truyền thống, Việt Nam đã xuất hiện các loại hình kinh tế mới như: Kinh tế dữ liệu, kinh tế bạc, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm, kinh tế chống chịu, kinh tế tầm thấp... Về kinh tế số: Năm 2024, tỷ trọng kinh tế số của Việt Nam ước đạt 18,3% GDP, tốc độ tăng trưởng vượt 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP, nhanh nhất Đông Nam Á³¹. Về kinh tế đêm, ngày 27-7-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1129/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam. Hiện nay, một số đô thị và trung tâm du lịch lớn của cả nước như: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế... đã phát triển các hoạt động kinh tế đêm dưới nhiều loại hình³². Về kinh tế dữ liệu: Giá trị thị trường dữ liệu tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 1,57 tỷ USD và dự kiến tăng lên 3,53 tỷ USD vào năm 2030, tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 14% mỗi năm. Cùng với đó, kinh tế số của Việt Nam được kỳ vọng đạt khoảng 45 tỷ USD vào năm 2025 và có thể đạt khoảng 90-200 tỷ USD vào năm 2030³³. Về kinh tế bạc: “Tính đến năm 2024, Việt Nam mới có hơn 300 trung tâm chăm sóc người cao tuổi với khoảng 11.000 người được phục vụ. Hiện nay các trung tâm chăm sóc người cao tuổi mới chỉ phổ biến tại các thành phố lớn và không phải gia đình nào cũng có đủ điều kiện để gửi người thân cao tuổi của mình vào trung tâm, bởi mức phí cao, mức thấp nhất cũng từ 7-10 triệu đồng/người/tháng. Nếu chọn dịch vụ cao cấp như phòng đơn với chế độ chăm sóc tốt hơn, người cao tuổi phải chi trả khoảng 15 triệu/ tháng”³⁴. Về kinh tế tầm thấp: Đây là một nền kinh tế khai thác tài nguyên không gian, với năng suất vượt trội so với các mô hình truyền

thống. Với lợi thế địa chính trị, chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, lực lượng lao động trẻ và năng động, Việt Nam đang đứng trước “cơ hội ngàn năm có một” để trở thành trung tâm công nghiệp tầm thấp của khu vực và thế giới³⁵. Các loại hình kinh tế mới đang từng bước phát triển song hành cùng sự hình thành của các lực lượng sản xuất mới, qua đó đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy động lực phát triển mới cho nền kinh tế.

Bốn là, quan hệ giữa các khu vực kinh tế đã có sự điều chỉnh. Trước hết, đó là sự tái cấu trúc vai trò của các khu vực kinh tế, trong đó: 1) Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kiến tạo, điều tiết vĩ mô, bảo đảm các lĩnh vực chiến lược như năng lượng, hạ tầng, dữ liệu quốc gia; 2) Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất, đóng góp hơn 50% vào GDP³⁶; 3) Kinh tế FDI là cầu nối quốc tế về công nghệ, vốn và quản trị, hiện chiếm hơn 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam³⁷. Bên cạnh đó, về cơ chế tương tác giữa các khu vực kinh tế cũng cho thấy sự thay đổi theo hướng mở ra cho khu vực tư nhân tham gia vào cung ứng dịch vụ công. Xu hướng hợp tác công - tư (PPP) và chuyển đổi số trong quản lý công là cách thức hiện thực hóa quan hệ mới này³⁸.

Năm là, địa bàn - không gian phát triển đã thay đổi. Trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, không gian số ra đời, đồng hành với không gian thực tạo nên ba chiều không gian phát triển: 1) Không gian thực (đầu tư, tiêu dùng, xuất nhập khẩu ...); 2) Không gian số (kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, sản phẩm số, tài chính số, người máy, AI ...); 3) Không gian giao thoa giữa không gian thực và không gian số (IoT, chữ ký số, các nền tảng toàn cầu, thương mại điện tử ...). Bên cạnh đó, cùng với việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp (hiện cả nước có 34 tỉnh/thành phố và 3.321 xã/phường/đặc khu) đã

làm thay đổi quy mô và địa bàn tỉnh và xã, kéo theo sự thay đổi về địa bàn vùng. Không gian phát triển mới này được kiến tạo dựa trên tầm nhìn dài hạn, hướng đến sự phát triển đồng bộ, bền vững và khoa học³⁹.

3. Một số định hướng tăng cường các thành tố tham gia xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chính tại Việt Nam

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, đang được trình xin ý kiến góp ý của cả nước, đã khẳng định: “Xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất; hoàn thiện thể chế phát triển gắn với thực hiện đồng bộ 4 chuyển đổi: Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực; thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới”⁴⁰.

Để mô hình tăng trưởng mới vận hành hiệu quả, cần hội đủ các điều kiện sau: *Thứ nhất*, thể chế, cơ chế và chính sách phải bảo đảm tính đồng bộ, khuyến khích sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. *Thứ hai*, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó chú trọng giáo dục kỹ năng số, năng lực đổi mới và tinh thần khởi nghiệp sáng tạo. *Thứ ba*, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, kết nối chặt chẽ giữa Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. *Thứ tư*, phát triển hạ tầng số và dữ liệu mở, bảo đảm an ninh mạng và khả năng tiếp cận công nghệ bình đẳng cho người dân.

Trên cơ sở đó, để các thành tố tham gia có hiệu quả vào việc xác lập mô hình tăng trưởng mới, cần chú trọng một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, phải nhận thức đầy đủ về tính tất yếu lịch

sử của mô hình tăng trưởng mới. Theo quy luật phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi lực lượng sản xuất đạt đến trình độ nhất định, quan hệ sản xuất và mô hình tăng trưởng cũ trở thành “xiềng xích”, buộc phải thay đổi để mở đường cho năng suất mới⁴¹. Thực tế cho thấy, việc Việt Nam chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư - lao động sang mô hình dựa vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là tất yếu khách quan.

Hai là, xây dựng thể chế đổi mới sáng tạo quốc gia - tức là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tổ chức và tài chính hỗ trợ sáng tạo. Thể chế đổi mới sáng tạo hiệu quả phải bảo đảm tự do sáng tạo, quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ dữ liệu, và cơ chế phối hợp công - tư. Vì vậy, Việt Nam cần thiết lập hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp và viện nghiên cứu giữ vai trò trung tâm và được điều tiết bởi chính phủ kiến tạo số.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực số và văn hóa sáng tạo. Theo Lucas (năm 1988), vốn con người là yếu tố quyết định của tăng trưởng nội sinh⁴². Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng nhấn mạnh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa”⁴³, nghĩa là con người sáng tạo, có tri thức, có ý chí làm chủ khoa học - kỹ thuật. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực số và văn hóa sáng tạo phải được đặc biệt quan tâm, chú trọng.

Bốn là, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng xanh và tăng trưởng số, nhằm hướng tới phát triển bền vững. Các lý luận đương đại cho rằng,

chuyển đổi số chỉ thật sự bền vững khi gắn với kinh tế xanh và tuần hoàn⁴⁴. Điều này phù hợp với quan điểm của V.I.Lênin về phát triển hài hòa giữa con người và tự nhiên⁴⁵. Vì vậy, phải chú trọng hài hòa giữa tăng trưởng xanh, tăng trưởng số với tăng trưởng kinh tế.

Năm là, xây dựng năng lực quản trị quốc gia số hóa - trong đó dữ liệu và AI được sử dụng như “yếu tố sản xuất mới”⁴⁶. Mô hình quản trị dựa trên dữ liệu không chỉ giúp ra quyết định chính xác mà còn tối ưu hóa phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế tri thức. Vì vậy, cần đặc biệt chú trọng xây dựng năng lực quản trị số quốc gia đồng hành với quá trình tăng trưởng và phát triển.

Tóm lại, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tăng trưởng kinh tế hai con số là một trong những nội hàm rất quan trọng để đạt được mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên mới. Để đạt được mục tiêu triển trong kỷ nguyên mới. Để đạt được mục tiêu quốc gia làm động lực chính là yêu cầu mang tính tất yếu. Hiện nay, Việt Nam đã hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về bối cảnh phát triển, lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất giữa các khu vực kinh tế, cũng như địa bàn - không gian phát triển. Tuy nhiên, để những yếu tố đó thực sự phát huy vai trò trong việc xác lập mô hình tăng trưởng mới, cần tập trung cao độ mọi nỗ lực, huy động tối đa mọi nguồn lực của quốc gia ■

¹ Xem: Một số vấn đề mới, quan trọng trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, <https://baochinhphu.vn>, ngày 22-10-2025.

² Xem: R.M.Solow, *A Contribution to the Theory of Economic Growth*, Quarterly Journal of Economics, vol.70, 1956, pp.65-94.

³ Xem: P.Romer, *Endogenous Technological Change*, Journal of Political Economy, vol.98, 1990, pp.S71-S102 và R.E.J.Luca, *On the mechanics of economic development*, Journal of Monetary Economics, vol.22, no.1, 1988, pp.3-42.

⁴ Xem: OECD, *The Knowledge-Based Economy*, Paris, 1996, p.3-9.

⁵ OECD, *Digital transformation*, <https://www.oecd.org/en/topics/policy-issues/digital-transformation.html>

⁶ Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.187.

- ⁷ Xem: J.Schumpeter, *Capitalism, Socialism and Democracy*, Harper & Brothers, New York, 1942, pp.82-86.
- ⁸ Xem: World Economic Forum, *Digital Transition Framework: An action plan for public-private collaboration*, 2023, pp.1-18.
- ⁹ Xem: Government of the Republic of Korea, *Korean New Deal: National Strategy for a Great Transformation*, Seoul, 2020, pp.3-10.
- ¹⁰ Xem: Singapore Smart Nation Office, *Smart Nation Strategy Overview*, 2021, p.4.
- ¹¹ Xem: Chinese State Council, *Made in China 2025 Progress Report*, Beijing, 2020, p.17.
- ¹² Xem: UNCTAD, *World Investment Report 2024: Fragmentation and the Future of Globalization*, Geneva, 2024.
- ^{13,21} Xem: World Bank, *World Development Report 2021: Data for Better Lives*, Washington D.C., 2021.
- ¹⁴ Xem: United Nations, *World Population Ageing 2023*, New York, 2023.
- ¹⁵ C.Mác và Ph.Ăng ghen, *Toàn tập*, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, tr.14-15.
- ¹⁷ Xem: OECD, *Data Governance for Growth*, Paris, 2023.
- ¹⁸ Xem: Th.S. Lê Tường Vân, *Truyền thông phát triển “kinh tế bạc” ở Việt Nam hiện nay*, <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày 7-8-2025.
- ¹⁹ Xem: Ánh Dương, *Kinh tế đêm: Xu hướng phát triển của đô thị và cơ hội cho bất động sản thế hệ mới*, <https://cafefvn.vn>, ngày 14-10-2025.
- ^{20,24} Xem: Nguyễn Đức Hiến, *Các mô hình kinh tế mới và giải pháp đột phá tạo sức bật phát triển kinh tế Việt Nam: Tiếp cận từ tăng cường nội lực và nâng cao sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu*, Diễn đàn Kinh tế mới Việt Nam (VNEF 2025) lần thứ ba, Hà Nội, ngày 2-10-2025.
- ²² Xem: European Commission, *Green paper on ageing: Fostering solidarity and responsibility between generations*, https://commission.europa.eu/system/files/2021-06/green_paper_ageing_2021_en.pdf, p.2.
- ²³ Xem: Lưu Hà, *Tạo động lực tăng trưởng du lịch nhờ kinh tế đêm*, <https://vneconomy.vn>, ngày 31-7-2023.
- ²⁵ GS, TS.Tô Lâm, *Rạng rỡ Việt Nam*, <https://special.nhandan.vn/rang-ro-Viet-Nam/index.html>
- ²⁶ Xem: Lê Anh, *Việt Nam nổi lên như một điểm đến an toàn, thu hút đầu tư hiệu quả*, <https://nhandan.vn>, ngày 9-7-2025.
- ²⁷ Xem: Minh Khôi, *Việt Nam đang trên con đường chuyển đổi số*, <https://baochinhphu.vn>, ngày 24-5-2023.
- ²⁸ Xem: Thúy Hạnh, *Nhu cầu du lịch lão tăng mạnh, tiềm năng phát triển cho “nền kinh tế bạc” Việt Nam*, <https://cafebiz.vn>, ngày 4-11-2025.
- ²⁹ Xem: Đào Tuấn, *Kinh tế ban đêm - “mỏ vàng” chưa được khai phá của du lịch Việt Nam*, <https://media.chinhphu.vn>, ngày 12-7-2025.
- ^{30,35} Xem: Hạ Chi, *Liên minh Kinh tế tâm thấp ra mắt, tập hợp sức mạnh để tham gia thị trường 700 tỷ USD*, <https://vneconomy.vn>, ngày 13-10-2025.
- ³¹ Xem: Hà Văn, *Kinh tế số Việt Nam tăng trưởng nhanh nhất khu vực*, <https://baochinhphu.vn>, ngày 6-2-2025.
- ³² Xem: Đại Kim, *Phát triển hiệu quả kinh tế ban đêm*, <https://nhandan.vn>, ngày 19-12-2023.
- ³³ Xem: Hà Văn, *Thủ tướng Phạm Minh Chính: Dữ liệu phải lên sàn giao dịch*, <https://baochinhphu.vn>, ngày 1-11-2025.
- ³⁴ Xem: Châu Anh, *Việt Nam sắp bước vào “giai đoạn vàng” của nền kinh tế bạc*, <https://vneconomy.vn>, ngày 25-9-2025.
- ³⁶ Xem: T.Vân, *Kinh tế tư nhân hiện đóng góp hơn 50% GDP của Việt Nam*, <https://thanhtra.com.vn>, ngày 14-10-2025.
- ³⁷ Xem: Đức Việt, *Khu vực FDI đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa tại Việt Nam*, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn>, ngày 7-8-2025.
- ³⁸ Xem: Giang Thanh, *Thu hút tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công*, <https://baochinhphu.vn>, ngày 23-12-2020.
- ³⁹ Xem: GS, TS. Tô Lâm, *Quyết định “sắp xếp lại giang sơn” là bước đi lịch sử có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của đất nước*, <https://tapchicongsan.org.vn>, ngày 30-6-2025.
- ⁴⁰ Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, <https://nhandan.vn>, ngày 15-10-2025.
- ⁴¹ Xem: C.Mác và Ph.Ăng ghen, *Toàn tập*, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, tr.15.
- ⁴² Xem: R.Lucas, *On the Mechanics of Economic Development*, *Journal of Monetary Economics*, vol.22, 1988, pp.3-42.
- ⁴³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.222.
- ⁴⁴ Xem: UNDP, *Sustainable Digital Transformation Report*, New York, 2021, p.13.
- ⁴⁵ Xem: V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.29, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.548.
- ⁴⁶ Xem: World Bank, *Digital Economy Report: New Factors of Production*, Washington D.C., 2022, p.7.